TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K – TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29/2023/HNGĐ-ST**
Ngày 08/6/2023
"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Ông Hoàng N Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Lệ Dung

Ông Vũ Xuân Dự

- Thư ký phiên toà: ông Phạm Văn Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: bà Đặng Thị Doan - Kiểm sát viên.

Ngày 08/6/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2023/TLST-HNGĐ ngày 03/4/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/5/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1987; nơi cư trú: Xóm 1, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình

- **Bị đơn**: anh Phạm Văn K1, sinh năm 1983; nơi cư trú: Xóm 1, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: có mặt chị K, anh K1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị (Nguyễn Thị K) kết hôn với anh Phạm Văn K1 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 14/01/2009 tại UBND xã H, huyện K. Sau kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình nhà chồng tại xóm 1, xã H, huyện K. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt, anh K1 thường xuyên uống rượu say xỉn, không tu chí làm ăn, chị K có nói thì anh K1 quay ra chửi bới và nhiều lần vợ chồng xảy ra xô sát. Bản thân chị K đã chịu đựng và cùng gia đình K bảo anh K1, nhưng anh

K1 không thay đổi tính nết mà ngày càng uống rượu nhiều hơn, vô cớ chửi bới chị K. Từ mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn giữa hai bên gia đình, cụ thể ngày 30/8/2019 đã xảy ra xô sát, chị K đã phải nhờ chính quyền địa phương đến can thiệp, hòa giải. Sau đó để tạo điều kiện cho anh K1 có cơ hội sửa chữa khuyết điểm của mình, ngày 11/12/2019 anh K1 có đơn cam kết không uống rượu, chửi bới chị có sự chứng kiến của nhiều người. Tuy nhiên, ngay sau đó anh K1 vẫn chứng nào tật ấy, vì vậy đến cuối năm 2019 chị K đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ cũng tại xóm 1, xã H để ở và vợ chồng chính thức sống ly thân nhau cho đến nay, trong thời gian vợ chồng sống ly thân mỗi lần anh K1 uống rượu say lại đến nhà chị K chửi bới chị. Chị K xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn K1.

- Về con chung: chị K xác nhận vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Phạm Linh N, sinh ngày 21/5/2010. Hiện nay cháu đang ở với chị K tại xóm 1, xã H, huyện K. Khi ly hôn chị K có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu, không yêu cầu anh K1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

- Về tài sản và nợ chung: chị K xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có khoản nợ nào chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm Văn K1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: anh K1 xác nhận điều kiện kết hôn, thời gian và địa điểm kết hôn như chị K trình bày là đúng. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn, theo anh K1 thì là mâu thuẫn nhỏ nhặt, anh K1 cũng xác nhận anh hay uống rượu say rồi về nhà không làm chủ được bản thân dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau và đã có lần xảy ra xô sát và từ mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn giữa hai bên gia đình thông gia, khi xảy ra xô sát chính quyền xóm phải đến can thiệp, đồng thời anh K1 cũng viết cam kết sẽ bỏ rượu, sau hai năm anh từ bỏ được thì chị K xin ly hôn anh sẽ đồng ý. Anh K1 xác nhận vợ chồng đã sống ly thân nhau khoảng 4 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Chị K xin ly hôn, anh K1 mong chị K suy nghĩ lại vợ chồng về đoàn tụ. Tại phiên tòa anh K1 đồng ý ly hôn chị K để giải phóng cho nhau, vì chị K không thiện chí về đoàn tụ.

- Về con chung: anh K1 xác nhận vợ chồng anh chị có 01 con chung như chị K trình bày là đúng. Khi ly hôn anh cũng có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu chị K phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh

- Về tài sản chung: anh K1 xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có khoản nợ nào chung, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai cháu Phạm Linh N trình bày: cháu N xác nhận là con anh K1, chị K, trường hợp bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng xin được ở với chị K, vì cháu là con gái cần có sự chăm sóc của mẹ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh, ông Nguyễn Minh H - Trưởng xóm 1, xã H, huyện K cung cấp: anh Phạm Văn K và chị Nguyễn Thị K đều là công dân thuộc xóm 1, xã H. Nhà hai anh chị K - K cũng gần nhau. Năm 2009 anh K1, chị K có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K. Sau khi kết hôn anh chị ấy sinh sống cùng gia đình nhà chồng cũng tại xóm 1, xã H. Quá trình chung sống, do anh K1 thường xuyên uống rượu say xỉn về nhà chửi bới, đánh đập vợ con, chính quyền xóm đã nhiều lần phải can thiệp, giải hòa giữa anh K1 và chị K. Khoảng cuối tháng 8 năm 2019 gia đình anh K1 xảy ra xô sát và cãi chửi nhau giữa hai bên thông gia, ông H là Trưởng xóm phải đến lập biên bản giải hòa, sau đó anh K1 còn viết cam kết về việc không uống rượu, không chửi bới, quấy phá, nhưng sau đó khoảng cuối tháng 12/2019 thì vợ chồng lại xảy ra xô sát. Chị K đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị ấy để ở cho đến nay, anh K1 vẫn thi thoảng sang quấy phá, chửi bới làm mất an ninh, trật tự thôn xóm. Chị K có đơn xin ly hôn anh K1, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, anh K1, chị K có 01 con chung là cháu Phạm Linh N, sinh tháng 5/2010. Hiện nay cháu đang ở với chị K tại xóm 1, xã H Về công việc thì cả anh K1, chị K đều là lao động tự do nên thu nhập của anh chị ấy như nào ông H không biết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình; bị đơn cơ bản thực hiện đầy đủ các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị K và anh Phạm Văn K1. Về con chung: giao con chung là cháu Phạm Linh N, sinh ngày 21/5/2010 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng. Anh K1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị K, anh K1 có quyền thăm nom con chung. Về án phí: chị K phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: đây là quan hệ tranh chấp về "Hôn nhân và gia đình" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Phạm Văn K1, sinh năm 1983; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm 1, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị K có đơn xin không tiến hành hòa giải, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị K và anh Phạm Văn K1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn ngày 14/01/2009 tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng giữa anh K1 và chị K không tôn trọng nhau. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do anh K1 không tu chí làm ăn, thường xuyên uống rượu say về nhà đánh đập, chửi bới chị K làm mất an ninh trật tự tại địa phương, nhiều lần chính quyền xóm phải đến khuyên can, giải hòa; mâu thuẫn vợ chồng đã diễn ra từ nhiều năm nay, từ mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn gia hai bên gia đình thông gia, hiện anh K1 chị K sống ly thân nhau gần 4 năm nay.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, anh K1 không đồng ý ly hôn, mong muốn chị K suy nghĩ lại để vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, tại phiên tòa cả anh K1 và chị K không đưa ra được biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng, anh K1 đồng ý ly hôn chị K để giải phóng cho nhau, chị K vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh K1. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các bên đương sự về việc thuận tình ly hôn, cần được tôn trọng.

Hội đồng xét xử xét thấy, các bên đương sự tự nguyện ly hôn cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị K và anh Phạm Văn K1 là phù hợp ý chí của các bên.

[3] Về con chung*:* chị K, anh K1 có 01 con chung là cháu Phạm Linh N, sinh ngày 21/5/2010. Hiện nay cháu đang ở với chị K tại xóm 1, xã H, huyện K từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, chị K có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh K1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị; tại phiên tòa anh K1 cũng có nguyện vọng xin được

trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị K phải cấp dưỡng nuôi con cho anh. Nguyện vọng của cháu N muốn được ở với chị K.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị K và anh K1 đều có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Đến thời điểm xét xử cháu N hơn 13 tuổi và là con gái, đây là giai đoạn phát triển tâm sinh lý của trẻ nên cần sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc của người mẹ sẽ tốt hơn cho cháu, nguyện vọng cháu N muốn được ở với chị K. Do đó, cần chấp nhận đề nghị của chị K, giao chị K trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Linh N, sinh ngày 21/5/2010 và không buộc anh K1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị K như sự tự nguyện của chị K và nguyện vọng của cháu N là phù hợp.

[4] Về tài sản và nợ chung: chị K, anh K1 đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có khoản nợ nào chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: chị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị K và anh Phạm Văn K.

2. Về nuôi con chung: giao con chung là cháu Phạm Linh N, sinh ngày 21/5/2010 cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh K1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị K; anh K1 có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị K. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị K phải nộp 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm

ứng án phí số AA/2021/0004834 ngày 03/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K; chị K đã nộp đủ.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh NB;*
- *VKS huyện K;*
- *THADS huyện K;*
- *UBND xã H;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Hoàng N Hưng